

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mười

Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 586/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Kim N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 184/2010, quyền số 01/2010 ngày 31/12/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L không yêu thương chị, không chăm lo cho gia đình, mặc dù gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng anh chị không hàn gắn được. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh L ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 01/7/2017, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi

cháu Nguyễn Tuấn C, giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh L trực tiếp nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị N thay đổi yêu cầu, đồng ý giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc chị N xin ly hôn với anh. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh L, giao cháu Nguyễn Tuấn C và cháu Nguyễn Tuấn K cho anh L trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Do không ai có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Kim N có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 184/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/12/2010. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị N trình bày do bất đồng quan điểm sống, anh L không yêu thương chị, không chăm lo cho gia đình, mặc dù gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được và chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L và chị N thật sự trầm trọng, kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh L ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án chị N cương quyết xin ly hôn,

còn anh L thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị N xin ly hôn, điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có hai con chung tên Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 01/7/2017 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2010. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao cho anh L trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại hai cháu C và K đang sống với ông bà nội và cha và tại bản tự khai cháu K cũng có nguyện vọng ở với cha. Để tránh xáo trộn về cuộc sống và tâm lý nên Hội đồng xét xử giao hai cháu Tuấn K và Tuấn C cho anh L trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Do anh L không có yêu cầu nên chị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Chị N và anh L được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim N.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Con chung: Giao hai cháu Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 01/7/2017 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2010 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi, chị Lê Thị Kim N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17280 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Lê Thị Kim N đã thi hành xong phần án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Hiệp
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phượng